

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian: 40 phút

Phần I: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số 47032 đọc là:

- A. Bốn mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi.
- B. Bốn mươi bảy nghìn ba trăm linh hai
- C. Bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai
- D. Bốn mươi bảy nghìn ba trăm không mươi hai

Câu 2: Trong các số 678387 chữ số 6 ở hàng, lớp.....

- A. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn
- B. Hàng chục nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng nghìn, lớp nghìn
- D. Hàng trăm nghìn, lớp đơn vị

Câu 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm của:

a. 5 tạ 8kg =kg

- A. 500
- B. 580
- C. 508
- D. 518

b. 2 phút 10 giây =giây

- A. 110
- B. 120
- C. 130
- D. 140

Câu 4: Kết quả của các phép tính là:

a) $769564 + 40526$

- A. 810090
- B. 810190
- C. 811090
- D. 810091

b) $62975 - 24138$

- A. 38837
- B. 37837
- C. 38937
- D. 37847

Câu 5: Tìm x

a) $x - 425 = 625$

$1200 - x = 666$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Phần II.

Trong thư viện có 1800 cuốn sách, trong đó số sách giáo khoa nhiều hơn số sách đọc thêm 1000 cuốn. Hỏi trong thư viện có bao nhiêu cuốn sách mỗi loại?

.....
.....
.....
.....

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian: 40 phút

Phần I: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng.

1/ Giá trị của chữ số 5 trong số: 571638 là:

- a. 500 b. 50000 c. 500000 d. 5000000

2/ Số lớn nhất trong các số 725369; 725396; 725936; 725693

- a. 725936. b. 725396 c. 725369 d. 725693

3/ 3 tạ 60 kg = kg. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là :

- a. 306 b. 603 c. 360 d. 3600

4/ 2 giờ 30 phút = phút. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là :

- a. 60 b. 120 c. 90 d. 150

5/ Trung bình cộng của các số 10 ; 30 ; 50; 70 là :

- a. 40 b. 30 c. 20 d. 10

Phần II :

Câu 1 : (1 điểm) Đặt tính rồi tính.

- a) $514626 + 8236$ b) $987864 - 783251$

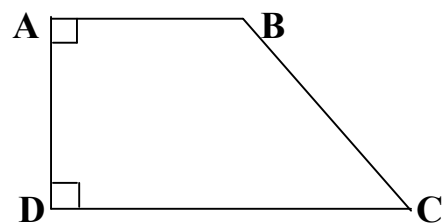
Câu 2: Cho hình tứ giác ABCD

a/ Cặp cạnh song song là :

b/ Các cặp cạnh vuông góc là :

c/ Góc tù là góc :

d/ Góc nhọn là góc :



Câu 3 : Tính chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 25 cm, chiều rộng 15 cm.

Câu 4 : Hiện nay tổng số tuổi mẹ và tuổi con là 45 tuổi. Con ít hơn mẹ 27 tuổi. Tính tuổi con và tuổi mẹ.

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Viết các số sau đây:

a) Năm trăm bốn mươi triệu ba trăm nghìn bốn trăm :

b) Chín trăm triệu không trăm linh chín nghìn tám trăm mười:

Đọc các số sau:

a) 5 000 000 000:.....

b) 158 005 000:.....

Câu 2. Viết mỗi số thành tổng:

a) 75 485 =

b) 855 036 =.....

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 phút =.....giây $\frac{1}{2}$ phút =giây

b) 1 thế kỉ =.....năm $\frac{1}{4}$ thế kỉ =.....năm

Câu 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 yến =kg 1 tạ 5kg =.....kg

b) 8 tạ =.....kg 1 tấn 65kg =.....kg

II/ PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$150287 + 4995$$

$$50505 + 950909$$

$$65102 - 13859$$

$$80000 - 48765$$

Câu 2. Trong vườn nhà Nam có 120 cây cam và cây bưởi, trong đó số cây cam nhiều hơn số cây bưởi là 20 cây. Hỏi trong vườn nhà Nam có bao nhiêu cây cam, bao nhiêu cây bưởi?

ĐỀ 5

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

Phần 1: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh vào câu trả lời đúng

- A. $6\text{kg}5\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$. Số điền vào chỗ chấm là:
a, 6005 b, 605 c, 65
- B. 1 phút 5 giây = $\dots\dots\dots$ giây . Số điền vào chỗ chấm là:
a, 650 b, 65 c, 56
- C. Một mảnh vườn hình vuông có cạnh 8 m . Diện tích hình vuông là:
a, 32m^2 b, 64m^2 c, 16m^2
- D. Trung bình cộng của 3 số : 45 , 55 , 65 là:
a, 45 b, 55 c, 50

Bài 2: Đọc các số sau:

- 46 307 : $\dots\dots\dots$
- 125 317 : $\dots\dots\dots$

Viết các số sau:

- Ba mươi sáu nghìn bốn trăm: $\dots\dots\dots$
- Tám trăm linh sáu nghìn, chín trăm bảy mươi bảy: $\dots\dots\dots$

Bài 3: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

89 999.....90 000 89 80089 786

Bài 4: Xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

6750 , 7650 , 6507 , 7560

$\dots\dots\dots$

Phần 2: Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

a, $235\,789 + 121\,021$

b, $89\,743 - 11\,599$

$\dots\dots\dots$
 $\dots\dots\dots$
 $\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$
 $\dots\dots\dots$
 $\dots\dots\dots$

Bài 2: Bài toán:

Một lớp học có 36 học sinh , trong đó số học sinh nữ nhiều hơn số sinh nam 6 em.
Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh nữ , bao nhiêu học sinh nam ?

ĐỀ 6

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

A/ PhÇn tr³c nghiÖm:

Khoanh vào ch÷ c, i Òt tr-íc cÇu tr¶ lêi Òng:

CÇu 1 : Sè : “ Bèn m-ñi l’ m ngh×n hai tr’ m linh b¶y” Ò-íc viÖt lµ :

A. 45 207

B. 45 027

C. 40.527

CÇu 2 : Gi, trÞ cña ch÷ sè 8 trong sè 548 762 lµ:

A. 8 0000

B. 8000

C. 800

CÇu 3: Sè lín nhÊt trong c, c sè : 85 732 , 85 723 , 85 372 lµ :

A. 85 732

B. 85 723

C. 85 372

CÇu 4: 8tÊn 55 kg = kg . Sè cÇn ÒiÒn vào chệ chÊm lµ:

A. 855

B. 8550

C. 8055

CÇu 5: 2 phót 10 giÇy = giÇy. Sè cÇn ÒiÒn vào chệ chÊm lµ :

A. 120

B. 130

C. 210

CÇu 6: 9 t¹ 5 kg 95 kg . DÊu cÇn ÒiÒn vào chệ chÊm lµ:

A. >

B. <

C. =

CÇu 7: Sè trung b×nh céng cña c, c sè 25 , 18 , 32 lµ:

A. 35

B. 75

C. 25

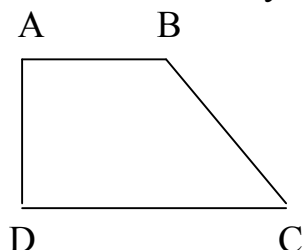
CÇu 8: Giá trị của biểu thức $423 + m$ với $m = 6$ lµ:

A. 483

B. 430

C. 429

CÇu 9: H×nh vñ d-íi ÒÇy cũ :



A. Góclà góc vuông

B. Góclà góc nhọn

C. Các cạnh.....song song với nhau

CÇu 10: Một hình chữ nhật có chiều dài 5 cm , chiều rộng 3cm. Chu vi hình chữ nhật là:

A. 16cm

B. 15 cm

C. 4 cm

B - PhÇn thùc hµnh :

CÇu 1: §Æt tÝnh r¶i tÝnh:

$$503720 + 439509$$

$$420748 - 376709$$

CÇu 2: T×m x:

$$X + 254 = 680$$

$$X - 306 = 504$$

CÇu 3: Hai líp thu ho'ch Ò-íc 600 kg giÊy vôn . Líp 4 A thu ho'ch Ýt h-n líp 4B 120 kg giÊy vôn. Háı mệi líp thu ho'ch Ò-íc bao nhiªu ki - l« - gam giÊy vôn ?

ĐỀ 7

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

Phần I: Mỗi bài tập dưới đây có các câu trả lời **A,B,C,D**. Hãy khoanh vào chỗ đặt trước các câu trả lời đúng.

Bài 1:

a) Số “*Ba triệu không trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm linh bốn*” viết là:

A 300028604 B 30028604 C 3028604 D 30286040

b) Số lớn nhất trong các số 5571; 6571; 5971; 6570

A 5571 B. 6571 C. 5971 D. 6570

Bài 2: (1 điểm)

a) Cho biết $56031 = 50000 + \square + 30 + 1$. Số thích hợp để viết vào ô trống là:

A. 60 B. 600 C. 6000 D. 60000

b) Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Năm đó thuộc thế kỷ nào?

A. XVIII B XVI C. XXI D. XX

Bài 3:

a) 4 tấn 29 kg =kg ? Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 429 kg B. 4029 kg C. 4290kg D. 40029 kg

b) 2 ngày 18 giờ =giờ

A. 62 giờ B. 48 giờ C. 56 giờ D. 66 giờ

Phần II:

1) Đặt tính rồi tính.

a) $51236 + 45619$	b) $13058 - 8769$	c) 2057×3	d) $65840 : 5$
.....			
.....			
.....			

2) Tìm x:

a) $x - 363 = 975$

b) $815 - x = 207$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3) Tìm bằng cách thuận tiện nhất.

a) $37 + 24 + 3$

b) $742 + 99 + 1$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phần III:

Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 22m. Chiều dài hơn chiều rộng 10 m . Tính diện tích hình chữ nhật đó.

ĐỀ 8

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

1. Viết vào chỗ chấm (theo mẫu)

Viết số	Đọc số
27 643 518	Hai mươi bảy triệu sáu trăm bốn ba nghìn năm trăm mười tám.
a).....	Mười sáu triệu hai trăm linh năm nghìn sáu trăm bảy mươi mốt.
181 164	b).....
c).....	Bốn trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm mười hai
8 422 742	

2. Viết số thích vào chỗ chấm:

Hiền		
Hoà		

Hiền vẽ được: a).....hình vuông ; b)hình tròn

Hoà vẽ được : a).....hình vuông ; b).....hình tròn

3.Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) 2 giờ 27 phút = 147 phút ☐ b) 4 tạ 6 kg = 460 kg ☐

4. Đặt tính rồi tính:

a) $38267 + 35204$ b) $87725 - 21252$ c) 1126×2 d) $1836 : 3$

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Số thích hợp để điền vào chỗ chấm để $7800\text{dm} = \dots\text{m}$ là:

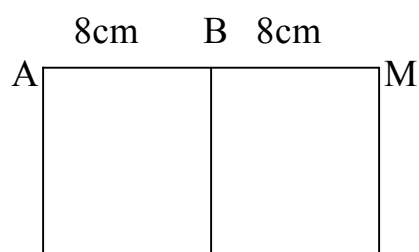
A. 780 000 B. 78 000 C. 780 D. 78

6. Một cửa hàng bán gạo. Ngày đầu bán được 1890kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày đầu 560 kg. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu kg gạo?

7. Cho hình vẽ bên. Biết ABCD và BMNC là các hình vuông cạnh 8cm. Viết tiếp vào chỗ chấm:

a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng:.....

b) Diện tích hình chữ nhật AMND là:



ĐỀ 9**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012****Môn: Toán – Lớp 4****Thời gian : 40 phút****Bài 1:** Viết các số sau:

- a. Sáu mươi hai nghìn ba trăm linh năm:
- b. Một trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm:
- c. Tám mươi ba triệu hai mươi bốn nghìn:
- d. Năm trăm ba mươi một triệu không nghìn năm trăm hai mươi tám :

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

- a. Chữ số 7 trong số 5729018 có giá trị là:
 A. 7000 B. 70000 C. 700000
- b. Năm 2011 thuộc thế kỉ:
 A. XIX B. XX C. XXI

Bài 3: Đặt tính rồi tính:

- a, $125378 + 248459$ b, $635783 - 290876$

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Hai thùng dầu có tất cả 2575 lít. Thùng thứ nhất có số dầu nhiều hơn thùng thứ hai là 235 lít. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Hãy điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống:

- a. Một hình tứ giác có 4 góc vuông là hình vuông. ☐
- b. Một hình tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông ☐
- c. Hình chữ nhật là hình vuông ☐
- d. Hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt. ☐

ĐỀ 10

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

I. Phần trắc nghiệm:

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Bài 1:

- a. Mười triệu tám trăm linh ba nghìn sáu trăm hai mươi
A. 18 003 620 B. 10083 620 C. 10 803 620 D. 10 620 803
- b. Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm ba mươi một.
A. 6 045 731 B. 6 450 731 C. 6 504 731 D. 6 450 317
- c. Giá trị của chữ số 5 trong số 35 161 là:
A. 5 000 B. 500 C. 50000 D. 50

Bài 2:

- a) 3 tấn 5kg. Số điền vào chỗlà:
A. 350kg B. 3050kg C. 3005kg D. 30050kg
- b) 2 giờ 15 phút = Số điền vào chỗlà:
A. 215 B. 17 C. 35 D. 135
- c) Trung bình cộng của các số: 364; 290 và 636 là:
A. 430 B. 463 C. 327 D. 360

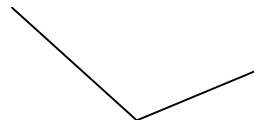
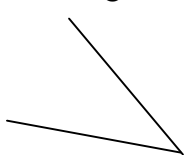
II. Phần tự luận:

Bài 3: Đặt tính rồi tính:

$$48765 + 26592$$

$$368517 - 74639$$

Bài 4: Điền tên gọi tương ứng dưới mỗi góc sau đây:



Bài 5: Bài toán:

Hai thửa ruộng thu hoạch được tất cả 35 tạ thóc. Biết rằng thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được ít hơn thửa ruộng thứ hai là 5 tạ thóc. Hỏi mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

.....
.....

ĐỀ 11

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

I. Trắc nghiệm: Đánh dấu nhân vào ô trống em cho là đúng:

1) Chu vi hình vuông có cạnh 5 cm là:

a. 10cm ☐ b. 15 cm ☐ c. 20 cm ☐ d. 25 cm ☐

2) Số gồm 10 nghìn 5chục 3 đơn vị là:

a. 1053 ☐ b. 10503 ☐ c. 10053 ☐ d. 100053 ☐

3) Số thích hợp điền vào chỗ (...): 5 tạ 3 kg = ... kg là:

a 53 kg ☐ b 503 kg ☐ c 5003 kg ☐ d 50003 kg ☐

4) 9 thế kỉ 70 năm là:

a 97 năm ☐ b 970 năm ☐ c 907 năm ☐

5) Tổng hai số là 8 và hiệu hai số là 2 vậy số bé là:

a 1 ☐ b 2 ☐ c 3 ☐

II. Tự luận:

1) Đặt tính rồi tính: 63723 – 59875

43697 + 1987

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2) Tính x:

$$X - 987 = 437$$

$$X + 9625 = 9700$$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3) Một xí nghiệp 2 tuần đầu mỗi tuần sản xuất được 1250 sản phẩm, 3 tuần sau mỗi tuần sản xuất 1000 sản phẩm. Hỏi trung bình mỗi tuần sản xuất bao nhiêu sản phẩm?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 12

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian : 40 phút

Phần 1:

Bài 1: Em hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Số “*bảy mươi hai triệu*” viết là:

A. 7 200 B. 72 000 000 C. 7 200 000 D. 72 000

2. Trong số **1 056 900**, chữ số **5** có giá trị là:

A. 500 000 B. 50 000 C. 5000 D. 500

3. 6 phút 36 giây = giây.

A. 360 B. 376 C. 380 D. 396

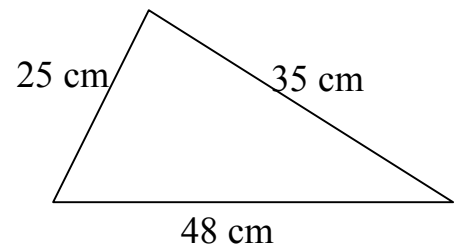
4. Trung bình cộng của: 220; 240; 260 và 280 là:

A. 250 B. 260 C. 270 D. 280

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

1) Giá trị của biểu thức: $130 \times 7 + 19708 = 20610$ ☐

2) Chu vi của hình tam giác bên là 108 cm. ☐



Bài 3: Cho hình chữ nhật ABCD. Em hãy ghi tên các cặp song song với nhau.

Trả lời:.....

.....

Phần II.

Bài 1: Tìm X:

a) $X + 537 = 5250$

b) $90532 - X = 26735$

Bài 2: 1) Đặt tính rồi tính:

$6346 + 352$; $74328 - 5942$; 5034×8 ; $14100 : 6$

2 Tính bằng cách thuận tiện nhất:



$$364 + 257 + 136 + 243$$

Bài 3: Một trường Tiểu học có 555 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái 27 em. Hỏi trường Tiểu học đó có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái ?

ĐỀ 13

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

Thời gian: 40 phút

PHẦN I: Trắc nghiệm:

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho mỗi bài tập dưới đây:

Bài 1: “Ba triệu năm trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi hai” viết là:

- A. 3 515 042 B. 3 515 420 C. 3 155 042 D. 3 515 024

Bài 2: Chữ số 8 của số 52 816 103 thuộc hàng nào?

- A. Hàng trăm B. Hàng nghìn C. Hàng triệu D. Hàng trăm nghìn

Bài 3: Số 176 715 638 có mấy lớp?

- A. 1 lớp B. 2 lớp C. 3 lớp D. 4 lớp

Bài 4: Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 1 yến 7 kg =kg là:

- A. 107 B. 17 C. 170 D. 1700

Bài 5: Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 3 giờ 40 phút =phút là:

- A. 70 B. 340 C. 100 D. 220

Bài 6: Lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội được tổ chức vào thế kỉ nào?

- A. X B. XXI C. 15 XIX D. XX

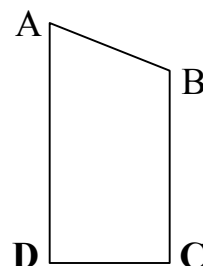
Bài 7: Một hình vuông có chu vi là 24cm, diện tích của hình vuông đó là:

- A. 36cm B. 24cm C. 36cm^2 D. 24cm^2

Bài 8: Cho hình bên:

Cạnh AD song song với cạnh nào dưới đây ?

- A. BC B. AB
C. CD D. DA



PHẦN II: Tự luận:

Bài 1: Thực hiện các phép tính sau (có đặt tính): (2điểm)

$$569564 + 310652 \qquad 45000 - 21306 \qquad 2570 \times 5 \qquad 41272 : 4$$

Bài 2: Chiều cao của các bạn Mai, Lan, Thúy, Cúc và Hằng lần lượt là 142cm, 133cm, 145cm, 138cm và 132 cm. Hỏi trung bình mỗi bạn cao bao nhiêu

xăng- ti- mét?

Bài 3: Tuổi mẹ và tuổi con cộng lại được 41 tuổi. Mẹ hơn con 27 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?

ĐỀ 14

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

Thời gian: 40 phút

A TRẮC NGHIỆM

I. Khoanh vào chữ cái trước câu có kết quả đúng :

Câu 1: Giá trị của chữ số 3 trong số 416 937 là:

- A. 30 B. 300 C. 3000 D. 30000

Câu 2: 3 tạ = yến

- A. 3 B. 30 C. 300 D. 3000

Câu 3: 1 phút 8 giây = giây.

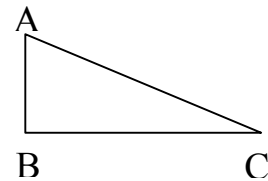
- A. 68 B. 18 C. 108 D. 680

Câu 4: $\frac{1}{2}$ thế kỷ =năm

- A. 20 B. 30 C. 40 D. 50

Câu 5: Hình tam giác ABC có:

- A. 1 góc nhọn. B. 3 góc nhọn. C. 2 góc nhọn.



Câu 6 : Trung bình cộng của 38kg, 32kg, 30kg, 36kg, 34kg là:

- A. 170kg B. 34kg C. 34kg D. 68kg

II. Điền vào chỗ chấm:

Câu 1: Số 705 986 303 đọc là:

Câu 2: Số “Hai trăm triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm bốn mươi lăm”

Viết là :

B PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Đặt tính rồi tính :

a) $769564 + 410652$

c) 2105×5

b) $39700 - 24138$

d) $41272 : 4$

Bài 2. Tìm x:

$x - 425 = 137$

Bài 3

Một cửa hàng bán gạo, ngày đầu bán được 320 kg gạo, ngày thứ hai bán được bằng $\frac{1}{2}$ số gạo của ngày đầu. Hỏi trung bình mỗi ngày bán được bao nhiêu Ki-lô-gam gạo?

Bài 4:

Tuổi mẹ và tuổi con cộng lại được 41 tuổi. Mẹ hơn con 27 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?

ĐỀ 15

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

Thời gian: 40 phút

Câu 1: Viết tiếp vào chỗ chấm

a. Số 32 703 400 đọc là.....

b. Năm mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm lẻ bốn viết là:

Câu 2: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống

a. 2 phút 12 giây = 132 giây ☐ b. 5 tấn 12kg = 512kg ☐

Câu 3: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

a. $\frac{1}{2}$ thế kỉ bằng

A. 30 năm

B. 20 năm

C. 50 năm

b. Trung bình cộng của 36 và 24 là:

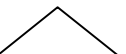
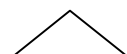
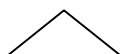
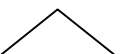
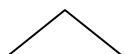
A. 40

B. 30

C. 20

Câu 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

Biểu đồ dưới đây cho biết số hình tam giác và hình vuông của hai bạn vẽ được là:

Loan	  	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Thúy	   	☐ ☐ ☐ ☐

Loan vẽ được: a/.....hình tam giác

b/.hình vuông

Thúy vẽ được: a/.....hình tam giác

b/.hình vuông

Câu 5: Đặt tính rồi tính

a. $30724 + 6784$

b. $9327 - 6458$

c. 207×5

d. $18418 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất

a. $3254 + 146 + 698$

b. $921 + 242 + 2079$

.....

.....

Câu 7: Tuổi bố và tuổi con cộng lại 68 tuổi. Bố hơn con 38 tuổi. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 16

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

Thời gian: 40 phút

I. PHẦN I :

Mỗi bài tập dưới đây có các câu trả lời A,B,C,D. Hãy khoanh vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

1) *Sáu trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười hai nghìn viết là:*

A. 625 112 000

B. 625 112

C. 6 251 120

D. 62 511 200

2) *195 phút =*

A. 1 giờ 95 phút .

B. 3 giờ 5 phút .

C. 3 giờ 15 phút .

D. 3 giờ 95 phút .

3) *3 tấn 7 kg =*

A. 37 kg

B. 307 kg

C. 370 kg

D. 3 007 kg

4) *$2000 - x + 100 = 900$*

A. $x = 1100$

B. $x = 1000$

C. $x = 1200$

D. $x = 1020$

5) *$\frac{3}{5}$ thế kỉ =*

A. 30 năm

B. 40 năm

C. 50 năm

D. 60 năm

6) *Trung bình cộng của các số : 15, 17, 19, 21, 23 là :*

A. 17

B. 18

C. 19

D. 20

II. PHẦN II:

Bài 1 : Đặt tính rồi tính :

a. $6438 + 89546$.

b. $6080 - 574$.

c. 5068×7

d. $3216 : 8$

Bài 2 : Tính giá trị của biểu thức :

$$468 : 3 + 61 \times 4$$

Bài 3: Tính x :

a) $x - 4572 = 407$

b) $x + 2570 = 9790$

Bài 4 : Bài toán

Cả hai xe chở 75 tạ hàng , xe thứ hai chở ít hơn xe thứ nhất 7 tạ hàng . Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu tạ hàng ?

ĐỀ 17

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

Thời gian: 40 phút

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất :

1. Số 72 008 đọc là:

A. Bảy nghìn hai trăm linh tám.

B. Bảy mươi hai nghìn không trăm linh tám.

C. Bảy trăm hai mươi tám.

C. Bảy mươi hai nghìn tám trăm.

2. Số gồm năm mươi triệu, năm mươi nghìn, năm mươi đơn vị viết là:

A. 505 050

B. 5 050 050

C. 5 005 050

D. 50 050 050

3. $\frac{1}{4}$ thế kỉ bằng:

A. 10 năm

B. 15 năm

C. 20 năm

D. 25 năm

4. 7 kg 85g = g. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (....) là:

A. 7085

B. 155

C. 785

D. 7850

5. 2 phút 30 giây = giây . Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (....) là:

A. 32

B. 230

C. 150

D. 90

6. Số trung bình cộng của hai số bằng 50, biết một trong hai số đó bằng 30. Số còn lại là:

A. 40

B. 50

C. 60

D. 70

B. PHẦN TỰ LUẬN:

1. Đặt tính rồi tính :

a. $367589 + 541708$

b. $647253 - 285749$

2. Tính giá trị của biểu thức:

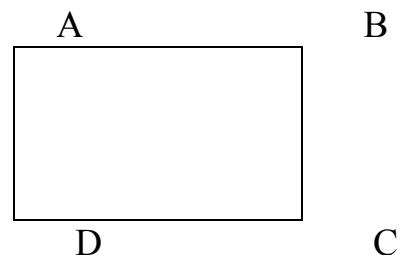
$47 \times 6 + 505 : 5$

$(2100 + 45) \times 4$

3. Cho ABCD là hình chữ nhật. Viết tiếp vào chỗ chấm (.....):

Cạnh AB song song với cạnh:

Cạnh DC vuông góc với các cạnh :



4. Bài toán:

Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 30m. Chiều dài hơn chiều rộng 16m. Tính diện tích hình chữ nhật đó .

ĐỀ 18

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

Thời gian: 40 phút

I. Trắc nghiệm:

1. Chọn câu trả lời đúng: Số 402 327 gồm:

a. $400 + 2000 + 30 + 27$

b. $400\ 000 + 2000 + 32 + 7$

c. $400\ 000 + 2000 + 30 + 7$

d. $400\ 000 + 2000 + 300 + 20 + 7$

2. Chọn câu trả lời đúng:

Số gồm chín mươi triệu, chín mươi nghìn và chín mươi viết là:

a. 909 090

b. 90 090 090

c. 9 009 090

d. 90 000 990

3. Chọn câu trả lời đúng:

Số chẵn lớn nhất có 5 chữ số là:

a. 99 999

b. 88 888

c. 99 998

d. 99 990

II. Tự luận:

1. Tìm x

a. $x + 148630 = 320917$

b. $x - 87945 = 243681$

2. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a. $81 + 2420 + 19$

b. $78 + 165 + 22 + 35$

3. Bốn bạn: Hùng, Tấn, Dũng, Tân lần lượt cân nặng là: 32kg, 38 kg, 36kg và 34kg. Hỏi trung bình mỗi bạn cân nặng bao nhiêu kg ?

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 19

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Bài 1. Số gồm 5 triệu, 6 chục nghìn, 2 trăm, 8 chục và 3 đơn vị là:

- A. 5 600 283 B. 5 060 283 C. 5 620 083 D. 56 020 083

Bài 2: Trong các số dưới đây, chữ số 8 trong số nào có giá trị là 80 000?

- A. 218 042 6567 B. 800 006 425 C. 715 181 302 D. 325 468 603

Bài 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 8 tấn 3kg = kg là:

- A. 830 B. 8003 C. 8030 D. 8300

Bài 4. Dãy số nào dưới đây được viết theo thứ tự từ bé đến lớn?

- A. 15 423; 15 432; 15 342; 15 324 B. 15 324; 15 342; 15 423; 15 432
C. 15 243; 15 342; 15 432; 15 234 D. 15 706; 15 067; 15 760; 15 670

Bài 5. Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống:

- a) Dãy số 0;1;2;3;4; ...;1000; 1001; ... là dãy số tự nhiên ☐
b) Trong dãy số tự nhiên, số 98 đứng trước số 100 ☐

II. Tự luận:

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $67859 + 894$

b) $739084 - 346927$

.....
.....
.....
.....

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{2}{3}$ ngày =giờ

b) 3 phút 7 giây =giây

Bài 3: Tìm số trung bình cộng của:

a) 34; 46; 58; 22

b) 64; 68; 45; 53; 40

.....

Bài 4 :

Hai thùng chứa được 600 lít dầu. Thùng lớn chứa nhiều hơn thùng bé 120 lít dầu. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu lít dầu?

ĐỀ 20

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

I. Phần trắc nghiệm:

1) Viết vào chỗ chấm:

a) Số “Ba mươi triệu không trăm linh chín ngàn bảy trăm.” Viết là:.....

b) Số “Bảy triệu năm trăm ngàn sáu trăm mười hai” Viết là :.....

2) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a) $\frac{1}{4}$ giờ = 20 phút ; ☐

b) 4 phút 5 giây = 165 giây ☐

c) 15 tạ = 1500 kg; ☐

d) 600 năm = 6 thế kỷ ☐

3) 3 tấn 75 kg =kg

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là .

A. 375

B . 3 750

C. 3 075

D. 3 057

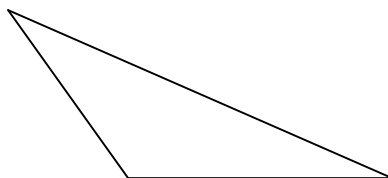
4) Hình tam giác sau có :

A. 2 góc nhọn, 1 góc tù

B. 3 góc nhọn

C. 1 góc vuông, 2 góc nhọn

D. 1 góc bẹt, 2 góc tù



II. Phần tự luận:

1) Đặt tính rồi tính

40673+6929

99070 – 3647

5013 x 6

2358 : 9

.....

2) Tìm y:

$y + 676 = 5080$

$5494 - y = 1605$

.....

.....
.....
3) Bài toán:

a) Tuổi của hai chị em là 32 tuổi. Chị hơn em 6 tuổi. Hỏi chị bao nhiêu tuổi, em bao nhiêu tuổi?

b) Số học sinh của năm lớp lần lượt là : 28 học sinh; 32 học sinh; 30 học sinh; 26 học sinh; 34 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

Bài giải:

.....
.....
.....

ĐỀ 21

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Phần 1:

Bài 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất :

1. Số 802 010 đọc là:

- A. Tám mươi nghìn hai trăm mười. B. Tám trăm linh hai nghìn không trăm mười.
C. Tám trăm hai mươi nghìn. D. Tám trăm linh hai nghìn mười trăm.

2. Số hai trăm triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm bốn mươi viết là :

- A. 200 209 640 B. 2 209 640 C. 20 209 640 D. 200 209 064

3. Giá trị của chữ số 9 trong số 495 708 là:

- A. 9 000 000 B. 900 000 C. 90 000 D. 9 000

4. $\frac{1}{10}$ thế kỉ bằng:

- A. 10 năm B. 15 năm C. 20 năm D. 25 năm

5. 8 tấn 80 kg = kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (.....) là:

- A. 88 B. 880 C. 8080 D. 8800

6. 5 phút 5 giây =giây. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (....) là:

- A. 55 B. 305 C. 505 D. 503

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. 4 thế kỷ 12 năm = 412 năm ☐

b. 9 tạ 8 kg = 908 kg ☐

c. 10 phút 36 giây = 6360 giây ☐

c. $\frac{1}{3}$ giờ = 30 phút ☐

Phần 2:

Bài 1. Đặt tính rồi tính

a. 81876 – 24639 b. 56496 + 3828

c. 308 x 27

d. 5850 : 25

.....
.....
.....

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức

a/ $m \times 9$ với $m = 48$

b/ $234 \times (72 : n) + 56$ với $n = 8$

Bài 3: Một cửa hàng bán gạo, ngày đầu bán được 320 kg gạo, ngày thứ hai bán được bằng $\frac{1}{2}$ số gạo của ngày đầu, ngày thứ ba bán gấp ba lần ngày thứ hai. Hỏi trung bình mỗi ngày bán được bao nhiêu kilôgam gạo?

ĐỀ 22

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

A. Phần I: Trắc nghiệm :

Câu	Nội dung bài làm	Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng
1	Số: 3 123 500 đọc là: A.Ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm. B.Ba nghìn một trăm hai mươi ba triệu năm trăm C.Ba triệu một trăm hai mươi ba đơn vị năm trăm.	A. ; B. ; C
2	Giá trị của chữ số 5 trong số 2 645 214 là: A.500 000 ; B.50 000; C. 5 000 .	A. ; B. ; C
3	Số cần điền trong dãy số 9998, 9999,.....là : A. 9 997 ; B. 10 000 C. 99 991 ; D. 99 999	A. ; B. ; C ; D .
4	Dãy số được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là : A. 1 942; 1 978; 1 952 B. 1 986; 1 987; 1 989 C. 92 501; 92 401; 92 400	A. ; B. ; C
5	Nếu $a = 5$; $b = 2$; $c = 6$, thì giá trị của biểu thức $(a + b) \times c$ là : A. 24 ; B. 42 ; C. 17 ; D. 13 .	A. ; B. ; C ; D .
6	2 tấn 850 kg =kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là :	A. ; B. ; C ; D .

	A. 285 ; B. 2 850 ; C. 2 085 ; D. 285	
7	2 phút 40 giây =giây A. 120 ; B. 160 ; C. 240	A. ; B ; C ; D .
8	Bác Hồ sinh năm 1890. Năm đó thuộc thế kỉ thứ: A. XVIII ; B. XIX ; C. XX	A. ; B ; C
9	Số gồm : sáu mươi lăm nghìn, ba trăm, bốn đơn vị. Viết là : A. 6 534; B. 65 304 ; C. 65 340 ; D. 65 034.	A. ; B ; C ; D .
10	9m 5dm =dm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là: A .95 ; B. 950 ; C. 905 ; D. 9500	A. ; B ; C ; D .

B/ Phần II -Tự luận :

1. Đặt tính rồi tính:

$$4948 + 3524$$

$$39291 - 2737$$

$$2746 \times 6$$

$$4284 : 6$$

2. Tính giá trị của biểu thức :

a) $478 + 91 \times 3$	b) $320 : (120 - 40)$

3. Trong năm qua, nhà bác Thuật đã thu hoạch được 1210 kg thóc. Biết vụ mùa thu hoạch kém vụ chiêm là 270 kg thóc. Tính số thóc mỗi vụ nhà bác Thuật thu hoạch được.

Bài giải:

ĐỀ 23

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

A/ Phần trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Số tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm linh ba được viết là :

- A. 843 013 B. 843 103 C. 843 310 D. 843 031

Câu 2: 3 tấn 85 kg =kg

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là .

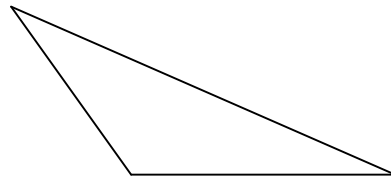
- A. 385 B. 3 850 C. 3 085 D. 3 058

Câu 3: Số trung bình cộng của 96 ; 121 và 143 là

- A. 12 B. 102 C. 210 D. 120

Câu 4: Hình tam giác sau có :

- E. 2 góc nhọn, 1 góc tù
F. 3 góc nhọn
G. 1 góc vuông, 2 góc nhọn
H. 1 góc bẹt, 2 góc tù



Câu 5: $\frac{1}{4}$ giờ =phút

Số cần điền vào chỗ chấm là :

- A. 25 Phút B. 20 phút C. 15 phút D. 30 phút

B/ Phần tự luận :

Câu 1: Đặt tính và tính.

- a) $296\,809 + 652\,411$ b) $135\,423 + 682\,738$ c) $647\,253 - 285\,749$

.....
.....
.....

Câu 2: Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật có chiều dài 14cm, chiều rộng 9cm .

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3 : Từ một kho gạo người ta lấy ra 2080 bao gạo, sau đó lấy tiếp 750 bao gạo thì còn lại 1250 bao gạo . Hỏi lúc đầu trong kho có bao nhiêu bao ?

.....
.....
.....

ĐỀ 24

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

PHẦN 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất :

1. Số 54 009 đọc là:

- A. Năm nghìn bốn trăm linh chín B. Năm mươi tư nghìn không trăm linh chín
B. Năm trăm bốn mươi chín D. Năm mươi tư nghìn chín trăm.

2. Số gồm tám mươi triệu tám mươi nghìn tám mươi đơn vị viết là:

- A. 808 080 B. 8 080 080 C. 8 008 080 D. 80 080 080

3. Giá trị của chữ số 6 trong số 6 785 234 là:

- A. 6 000 000 B. 600 000 C. 60 000 D. 6 000

4. $\frac{1}{4}$ thế kỷ bằng:

- A. 10 năm B. 15 năm C. 20 năm D. 25 năm

5. 7 tạ 3kg =kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (.....) là:

- A. 703 B. 73 C. 730 D. 7003

6. 5 phút 5 giây =giây. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (....) là:

- A. 55 B. 550 C. 305 D. 350

7. Tổng của hai số là 72. Hiệu của hai số đó là 16. vậy hai số đó là:

- A. 24 và 48 B. 32 và 40 C. 30 và 42 D. 28 và 44

Với $a = 15$ thì giá trị của biểu thức $485 + a$ là :

- A. 500 B. 510 C. 520 D. 490

PHẦN 2:

1. Đặt tính rồi tính:

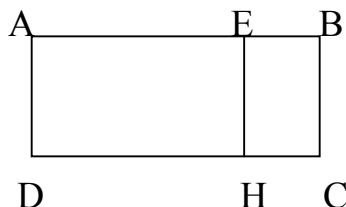
a, $367859 + 541728 =$

b, $647253 - 285749 =$

2. Tính giá trị của biểu thức

a, $468 : 6 + 61 \times 2 =$

3. Cho các hình ABCD, AEHD, EBCH đều là các hình chữ nhật. Ghi phần trả lời vào chỗ chấm (....):



Cạnh BC song song với các cạnh:

Trong hình chữ nhật ABCD, cạnh EH vuông góc với các cạnh:.....

4. **Bài toán:**

Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 30m. Chiều dài hơn chiều rộng 12 m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó .

ĐỀ 25

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012
MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Phần 1: Trắc nghiệm

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1/ Số gồm bốn mươi triệu, bốn mươi nghìn và bốn mươi viết là:

A. 404 040 B. 40 040 040 C. 4 004 040 D. 4 040 040

2/ Giá trị của chữ số 2 trong số 10 203 004 là:

A. 20 B. 200 C. 20 000 D. 200 000

3/ Số bé nhất trong các số : 684 725; 684 752; 684 257; 684 275 là:

A. 684 725 B. 684 752 C. 684 257 D. 684 275

4/ 3 tấn 72kg = kg

A. 372 B. 3720 C. 302 D. 3072

5/ 2phút 20giây = giây

A. 40 B. 220 C. 80 D. 140

6/ Năm 2012 thuộc thế kỉ nào?

A. XVIII B. XIX C. XX D. XXI

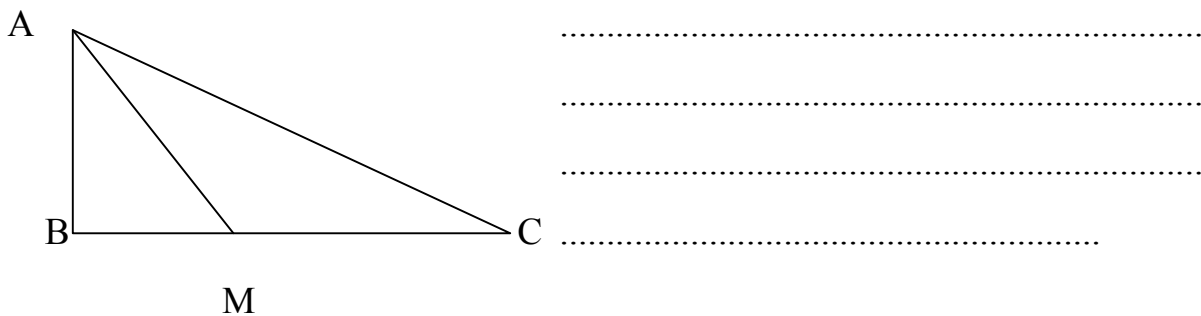
Phần 2 : Tự luận

1/ Đặt tính rồi tính:

a/ $365807 + 291304$

b/ $805146 - 52719$

2/ Nêu tên 1 góc vuông, 1 góc nhọn, 1 góc bẹt, 1 góc tù (đã được đánh dấu) trong hình sau :



3/ Bài toán:

Một lớp học có 30 học sinh. Số học sinh trai hơn học sinh gái 6 em. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái?

ĐỀ 26

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Phần I:

Câu 1/ Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a. Phân số chỉ phần tô đậm của hình bên là:

A. $\frac{3}{6}$

B. $\frac{3}{1}$

C. $\frac{6}{3}$

D. $\frac{3}{9}$

b. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{4}{7}$

A. $\frac{12}{25}$

B. $\frac{20}{35}$

C. $\frac{8}{11}$

D. $\frac{16}{21}$

c. Phân số nào dưới đây lớn hơn 1?

A. $\frac{10}{11}$

B. $\frac{15}{15}$

C. $\frac{12}{11}$

D. $\frac{7}{8}$

d. Phân số nào dưới đây lớn nhất?

A. $\frac{5}{8}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{9}{16}$

Câu 2/ Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a. Có 3 lít dầu đổ đều vào 4 chai lượng dầu mỗi chai là $\frac{3}{4}$ lít ☐

b. Chu vi hình vuông có diện tích 36 dm^2 là 36 dm. ☐

Phần II.

Câu 1/ a. Thực hiện các phép tính sau.

$\frac{3}{4} + \frac{4}{7} = \dots\dots\dots$

$\frac{4}{5} - \frac{11}{15} = \dots\dots\dots$

$\frac{3}{5} \times \frac{10}{9} = \dots\dots\dots$

$\frac{4}{9} : 2 = \dots\dots\dots$

b. Tính giá trị của biểu thức.

$\frac{2}{3} + \frac{1}{4} \times \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

$\frac{1}{2} : \frac{2}{3} - \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

Câu 2/ Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 96m, chiều dài hơn chiều rộng 24m.

a. Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó?

b. Người ta dùng $\frac{2}{3}$ diện tích mảnh vườn để trồng rau xanh. Hỏi diện tích trồng rau là bao nhiêu?

ĐỀ 27

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Phần I: Trắc nghiệm:

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.

1) Số mười hai triệu mười nghìn viết là:

- a. 12 010 100 b. 12 010 000 c. 12 100 000 d. 12 010 110

2) Số lớn nhất trong các số: 384 257; 384 275; 384 752; 384 725.

- a. 384 275 b. 384 752 c. 384 257 d. 384 725

3) Giá trị chữ số 9 trong số 459 762 là:

- a. 90 000 b. 900 c. 9 000 d. 90

4) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 2 tấn 65kg =kg là:

- a. 265 b. 2 650 c. 2 056 d. 2 065

5) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm $\frac{1}{2}$ phút =giây

- a. 50 b. 30 c. 15 d. 20

6) Trung bình cộng của các số: 41, 45, 39, 43, 37 là:

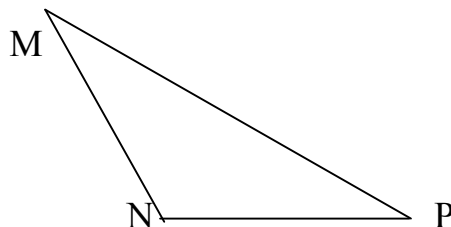
- a. 43 b. 42 c. 40 d. 41

7) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 4 giờ 25 phút =phút là:

- a. 425 b. 65 c. 265 d. 452

8) Hình vẽ bên có:

- a. 2 góc nhọn, 1 góc tù.
b. 2 góc nhọn, 1 góc bẹt.
c. 1 góc vuông, 2 góc nhọn
d. 2 góc vuông, 1 góc tù



Phần II:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$67428 + 81657$$

$$36154 - 10729$$

$$1346 \times 6$$

$$59725 : 5$$

Bài 2: Hai thửa ruộng thu hoạch được 4800kg thóc. Thửa thứ nhất thu hoạch nhiều hơn thửa thứ hai 640kg. Hỏi mỗi thửa ruộng thu hoạch bao nhiêu kg thóc?

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$178 + 277 + 123 + 422$$

ĐỀ 28

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

I.phÇn tr³c nghiÖm : Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:

1. Số “Chín trăm linh năm nghìn ba trăm linh tám” Viết là:
a. 950 308 b. 905 308 c. 950 380 d. 905 380
2. Cho các số sau : 5 437 052 ; 2 674 399 ; 7 186 500 ; 5 370 321 . Xếp chúng theo thứ tự từ bé đến lớn là:
a. 7 186 500 ; 5 370 321 ; 5 437 052 ; 2 674 399
b. 5 370 321 ; 5 437 052 ; 2 674 399 ; 7 186 500
c. 2 674 399 ; 5 370 321 ; 5 437 052 ; 7 186 500
d. 5 437 052 ; 7 186 500 ; 2 674 399 ; 5 370 321
3. 1 tấn 500 kg = kg
a. 1050 b. 1500 c. 1005 d. 15
4. $x \times 8 = 64$; $x = \dots\dots$
a. 7 b. 9 c. 6 d. 8
5. Tổng của hai số là 15, hiệu của chúng là 6. Hai số đó là :
a. 5 và 7 b. 4 và 8 c. 3 và 9 d. 2 và 10
6. Một hình chữ nhật có chiều rộng là 6m, chiều dài 8m. Diện tích của hình chữ nhật đó là :
a. 14 m² b. 48 m² c. 14 m d. 48 m

II.phÇn tù luËn.

1. Đặt tính rồi tính:
a. $2\,875 + 5\,518$ b. $46\,375 + 25\,286$
c. $92\,741 - 25\,091$ d. $68\,700 - 9\,217$
2. Tính giá trị của biểu thức:
a. $468 : 6 + 63 \times 3 =$ b. $508 \times 7 - 2\,514 =$
3. Hai lớp 4^A và 4^B có tất cả 52 bạn đội viên . Lớp 4^A nhiều hơn lớp 4^B 6 bạn. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu bạn đội viên ?

ĐỀ 29

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

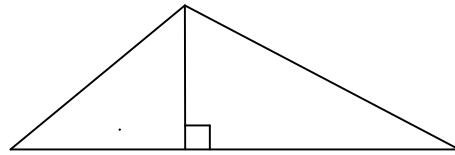
MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

I. Trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

- 1/ Số lớn nhất trong các số 88 899; 89 988; 89 898; 88 998
A. 88 899 B. 89 898 C. 89 988 D. 88 998
- 2/ Số gồm có 4 triệu, 6 trăm nghìn, 5 nghìn viết là:
A. 460 500 B. 4 605 000 C. 4 600 500 D. 4 060 500
- 3/ $\frac{1}{4}$ giờ = ...phút. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:
A. 12 B. 10 C. 15 D. 6
- 4/ 6 tấn 40 kg =kg. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:
A. 6 040 B. 640 C. 60 040 D. 6 400
- 5/ Trung bình cộng của các số 90; 95; 105; 120; 125 là:
A. 105 B. 107 C. 134 D. 535
- 6 / Hình bên có mấy góc vuông, góc nhọn, góc tù
- A. 2 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù
B. 1 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù
C. 1 góc vuông, 1 góc nhọn, 1 góc tù
D. 2 góc vuông, 4 góc nhọn, 1 góc tù



II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

$$839065 - 458623$$

$$95670 + 32846 + 263$$

$$3984 \times 6$$

$$5605 : 5$$

Bài 2: Tính giá trị biểu thức.

$$4820 + (6006 - 5649 : 7)$$

Bài 3: Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 40m. Chiều dài hơn chiều rộng 22m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó .

ĐỀ 30

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2011-2012

MÔN: TOÁN - LỚP 4

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Câu 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

A. Giá trị của số 2 trong dãy số 12 765 340 là:

- a. 2 000 b. 2 000 000 c. 20 000 d. 200

B. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để có 5 tấn 30kg =kg

- a. 53 b. 5 003 c. 53 000 d. 5 030

C. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để 2 giờ 15 phút =phút

- a. 125 b. 153 c. 135 d. 215

Câu 2 : Đặt tính rồi tính.

- a. $4682 + 2305$ b. $2968 + 6524$ c. $987864 - 783251$

.....
.....
.....
.....

Câu3:

a. Viết số tự nhiên liền sau của số. 2 835 917,.....

b. Viết số tự nhiên liền trước của số. 2 835 917,

Câu 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$364 + 136 + 219 + 181$$

.....
.....
.....
.....

Câu 5: Một hình chữ nhật có nửa chu vi 23cm, chiều dài hơn chiều rộng là 7cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó .

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu6 (1điểm)Các cặp cạnh song song của hình bên là:

